

# Thách thức của sinh viên trong tiếp cận giảng dạy trực tuyến ở các lớp đọc hiểu tiếng Anh

Huỳnh Thị Kim Thắm\*

\*Khoa Ngoại Ngữ, Đại học Tây Đô

Received: 20/4/2024; Accepted: 26/4/2024; Published: 7/5/2024

**Abstract:** Research on online teaching as an alternative to traditional teaching has shown its important role. In our country, there is little research on the challenges that university students face when participating in online English reading classes. Therefore, this study was conducted with 100 university students, and data were collected from questionnaires. Findings showed that online instruction in English reading classes challenged students and suggestions were also provided.

**Keywords:** Students, challenges, online teaching, English reading

## 1. Giới thiệu

Ngày càng có nhiều sự chú ý hướng đến giảng dạy trực tuyến như một giải pháp thay thế cho việc giảng dạy truyền thống do thời đại công nghệ tiên tiến và tính linh hoạt của các khóa học trực tuyến (ví dụ: Allen & Seaman, 2013; Konetes, 2011; Li & Irby, 2008). Rất nhiều ứng dụng hội nghị từ xa như Zoom, Google Meet hay Microsoft Teams đã được áp dụng để tổ chức các lớp học trực tuyến. Tuy nhiên, hiệu quả của những công nghệ này và tác động của chúng đối với bối cảnh giáo dục vẫn là điều đáng quan tâm và nghiên cứu. Tại Việt Nam, Dự án Ngoại ngữ Quốc gia (VNFLP) do Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008) phát động đã nhấn mạnh nhu cầu cấp thiết phải nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ, đặc biệt là tiếng Anh. Trong nghiên cứu của Lur (2011) tại một trường đại học ở Việt Nam, thách thức chính của việc giảng dạy trực tuyến là do tác động của công nghệ đối với người học. Ngoài ra, SV còn gặp khó khăn khi tham gia các bài học trực tuyến, đặc biệt là trong các bài đọc tiếng Anh. Do đó, nghiên cứu này nhằm mục đích xác định những thách thức mà sinh viên (SV) gặp phải khi tham gia các lớp đọc hiểu tiếng Anh trực tuyến tại một trường đại học tư thục ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam. Câu hỏi nghiên cứu xuyên suốt trong bài viết này là “Những thách thức của SV đại học gặp phải khi tiếp cận giảng dạy trực tuyến trong các lớp đọc hiểu tiếng Anh là gì?”

## 2. Thiết kế nghiên cứu

Một nghiên cứu mô tả sử dụng phương pháp định lượng đã được thực hiện để chỉ ra những thách thức mà SV đại học gặp phải liên quan đến việc hướng dẫn

trực tuyến trong các lớp đọc. Phương pháp này bao gồm việc thu thập và phân tích dữ liệu định lượng để khái quát hóa kết quả nghiên cứu cho toàn bộ dân số (Fraenkel và cộng sự, 2012; Creswell, 2003).

### 2.1. Những người tham gia

Những người tham gia gồm có 100 SV đến từ một trường đại học tư thục ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam. Có 36 (36%) nam và 64 (64%) nữ. Vào thời điểm nghiên cứu, số SV ở thành phố là 17, có 28 SV ở thị trấn và 55 SV ở nông thôn.

### 2.2 Công cụ nghiên cứu

**Bảng câu hỏi:** Bộ câu hỏi gồm 29 câu cùng với 2 câu hỏi mở dành cho SV được chia làm 3 phần chính: thông tin cơ bản của người tham gia, những thách thức khi sử dụng công nghệ, những thách thức khi tiếp cận nội dung của lớp đọc hiểu tiếng Anh những thách thức khi thông hiểu giảng dạy trực tuyến và thái độ của SV đối với những thách thức đó.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### Kết quả từ các bảng câu hỏi

Một bài kiểm tra thống kê mô tả được tiến hành để kiểm tra mức độ trung bình của các thách thức mà SV gặp phải. Bảng 2.1 cho thấy kết quả của bài kiểm tra.

Bảng 2.1. Những thách thức chung của SV

	N	Minimum	Maximum	Mean	SD
Total	100	1.40	5.00	3.36	.76
Valid N (listwise)	100				

Bảng 2.1 cho thấy mức độ trung bình chung của các thách thức của SV là ở mức trung bình ( $M=3,36$ ,  $SD=0,76$ ). Bài kiểm tra One Sample t-Test đã được

chạy để kiểm tra xem liệu có sự khác biệt giữa mức độ trung bình chung và giá trị kiểm tra (3,41) - giá trị được chấp nhận cho mức cao. Kết quả của One Sample t-Test, trong bảng 2.2, cho thấy không có sự khác biệt ( $t=-.65$ ;  $df=99$ ;  $p=.51$ ). Vì vậy, có thể kết luận rằng thách thức của SV khi tham gia các lớp học trực tuyến trong nghiên cứu này là ở mức độ cao.

		Levene's Test for Equality of Variances		t-test for Equality of Means						
		F	Sig.	t	df	Sig.	Mean Difference	SD	95% Confidence Interval of the Difference	
								Lower		Upper
MeanE	Equal variances assumed	12.8	.001	1.10	98	.27	.17	.15	-.13	.49
	Equal variances not assumed			.97	50	.33	.17	.17	-.18	.53

Bảng 2.2 One-Sample t-Test cho những thách thức của SV

Test Value = 3.4						
	t	df	Sig. (2-tailed)	Mean Difference	95% Confidence Interval of the Difference	
					Lower	Upper
Total	-.65	99	.51	-.05	-.20	.10

Bảng 2.3. Khó khăn của SV theo từng khía cạnh

	N	Min	Max	Mean	SD
Sử dụng công nghệ	100	1.00	5.00	3.49	.82
Tiếp cận nội dung	100	1.00	5.00	3.16	.89
Hiểu bài	100	1.00	5.00	3.42	.84
Tổng	100				
Valid N (listwise)	100				

Bảng 2.3 cho thấy, điểm trung bình các thách thức của SV khi sử dụng công nghệ trong lớp học trực tuyến ở mức cao ( $M=3,49$ ,  $SD=0,82$ ), tiếp theo là mức độ hiểu bài ( $M=3,42$ ,  $SD=0,84$ ), và thách thức khi tiếp cận nội dung ở mức trung bình ( $M=3,16$ ,  $SD=0,89$ ).

Bảng 2.4 Paired-Samples-t-Test cho thách thức của SV

		Paired Differences					t	df	Sig.
		Mean	SD	Std. Error Mean	95% Confidence Interval of the Difference				
					Lower	Upper			
Pair 1	Clu1 – Clu3	.07	.63	.06	-.05	.19	1.14	99	.25

Trong bảng 2.4, một bài kiểm tra Paired-Samples-t-Test được thực hiện để so sánh điểm trung bình của hai khía cạnh (sử dụng công nghệ và mức độ thông hiểu bài giảng) trong bảng câu hỏi. Kết quả chỉ ra rằng không tìm thấy sự khác biệt ( $t=1,14$ ;  $df=99$ ;  $p=.25$ ). Người ta chỉ ra rằng SV gặp phải những thách thức tương tự nhau (mức độ cao) khi sử dụng

công nghệ và thông hiểu bài học trong các lớp học tiếng Anh trực tuyến.

Bảng 2.5 Independent-Samples-t-Test cho thách thức của SV

Trong bảng 2.5, một bài kiểm tra Independent-Samples-t-Test đã được thực hiện để xác định xem liệu có sự khác biệt giữa SV nam và nữ về những thách thức chung trong việc tiếp cận giảng dạy học hiểu trực tuyến hay không. Kết quả cho thấy không có sự khác biệt giữa hai đối tượng tham gia ( $t=.95$ ;  $df=50$ ;  $p=.33$ ). Có thể kết luận rằng SV nam và nữ gặp phải mức độ thử thách như nhau trong quá trình tiếp cận các lớp học tiếng Anh trực tuyến.

#### 4. Kết luận

Nghiên cứu này chỉ ra rằng SV gặp khó khăn khi học đọc trực tuyến. Phân tích dữ liệu cho thấy SV gặp khó khăn khi sử dụng công nghệ, tiếp cận nội dung bài học và khả năng hiểu bài. Về việc sử dụng công nghệ, các thách thức của SV được nhận thấy ở mức độ cao. Những vấn đề công nghệ này được xác định là kết nối Internet yếu, thiếu đào tạo hoặc năng lực công nghệ và không quen với công nghệ. Những phát hiện này củng cố những thách thức được nêu trong một nghiên cứu của Lưu (2021), người đã phát hiện ra rằng việc thiếu kết nối Internet và thiếu nguồn lực công nghệ là những thách thức mà SV phải đối mặt trong các lớp học trực tuyến.

Mặc dù đạt được mục tiêu đề ra nhưng nghiên cứu này vẫn còn một số hạn chế. Thứ nhất, cỡ mẫu còn nhỏ so với số lượng SV ở các trường đại học tư thục ở Đồng Bằng Sông Cửu Long. Do đó, những phát hiện của nghiên cứu hiện tại này không thể khái quát được. Thứ hai, những hạn chế về thời gian đã ảnh hưởng đến cơ hội có được bức tranh toàn diện hơn về các vấn đề khác trong giảng dạy trực tuyến để trải nghiệm những diễn biến thực tế trong các lớp học.

Tôi khuyến nghị rằng nghiên cứu trong tương lai

cần có cỡ mẫu lớn hơn vào các thời điểm khác nhau của quá trình dạy và học trực tuyến. Các nghiên cứu với thời gian học kỳ dài hơn nên được thực hiện để xác nhận xem SV có sẵn sàng cho các lớp học đọc trực tuyến trong tương lai nhằm đáp ứng nhu cầu và hiệu quả học tập của SV.

#### Tài liệu tham khảo

[1]. Creswell, J. W. (2003). *Research design: Qualitative, quantitative, and mixed method approaches*. California: Sage Publications, Inc.

[2]. Fraenkel, J. R., Wallen, N.E., & Huyn, H. H. (2012). *How to design and evaluate research in education (8<sup>th</sup> Ed.)*. New York: Mc Graw-Hill Humanities.

[3]. Luu, H. Q. N. (2021). Teaching English online at a center for foreign languages: Challenges

and opportunities. *Can Tho University Journal of Science*, 13(1), 57- 65.

[4]. MoET, (2008). *Teaching and learning foreign languages in the national education system from 2008 to 2020*. Hanoi, Vietnam: Retrieved from <http://tailieu.vn/doc/de-an-day-va-hoc-ngoai-ngu-trong-he-thong-giao-duc-quoc-dan-1331102.html>.

[5]. Nooney, L.K., & Vidal, M.C.L. (2021). Analysis of the online course delivery method: Students' perspective. *International Refereed Social Sciences Journal* 8(1), 1-15

[6]. Oxford, R. L. (1990). *Language learning strategies: What every teacher should know*. Heinle and Heinle

## Tổ chức hoạt động trải nghiệm cho...(tiếp theo trang 82)

### 3. Kết luận và khuyến nghị

Trong bối cảnh CMCN 4.0, ứng dụng công nghệ thông tin nói chung, AR trong đổi mới cách dạy, cách học nói riêng đang được nhiều người nghiên cứu và vận dụng vào thực tiễn. Trong tương lai gần, AR sẽ trở thành xu thế tất yếu của nền giáo dục hiện đại, sẽ kết nối quá khứ với hiện tại, thu hẹp khoảng cách giữa GV và HS; việc dạy – học có thể diễn ra mọi lúc, mọi nơi và được tổ chức trong các môi trường ảo dựa trên các hình ảnh thực tế nhờ yếu tố AR. Trong DHLS ở trường phổ thông, HĐTN về di sản văn hóa Việt Nam không tách biệt với các hình thức nội khóa và ngoại khóa, được tích hợp trong cả quá trình dạy - học của các chủ đề (bắt buộc) và chuyên đề học tập (lựa chọn). Để ứng dụng hiệu quả AR vào tổ chức HĐTN về di sản văn hóa cho HS, GV cần phải hiểu rõ vị trí, mối quan hệ của các yếu tố trong quá trình DHLS: mục tiêu (ứng dụng nhằm mục tiêu gì?); nội dung (kiến thức về di sản); phương pháp, kỹ thuật DH; công nghệ, thiết bị và học liệu,... Trong đó, GV và HS là hai yếu tố đóng vai trò quyết định, có mối quan hệ biện chứng để tổ chức DHLS thành công./

#### Tài liệu tham khảo

[1]- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018), Chương trình GDPT- Chương trình Tổng thể, Hà Nội.

[2]- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022), Thông tư số 13, ngày 3/8/2022, Hà Nội.

[3]- Vũ Thị The (2018), *Giáo dục giá trị văn hóa, truyền thống địa phương cho HS THPT vùng Tây*

*Bắc thông qua một số HĐTN trong DHLS*, Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt, tháng 8, tr.163-166.

[4]- Nguyễn Mạnh Hường, Nguyễn Văn Công, Phan Như Hùng (2019), *Tổ chức hiệu quả hoạt động học tập trải nghiệm tích hợp - liên môn ở Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng (Hà Nội)*, Tạp chí Thiết bị Giáo dục, số 184, tr.43 – 45 và 68.

[5]- Nguyễn Thị Hồng Nhung, Phạm Kim Chung, Nguyễn Quốc Huy (2020), “*Ứng dụng thực tế ảo tương tác 4D trong DH môn Vật lý và Hóa học*”, Tạp chí khoa học ĐHSP Hà Nội, tập 65, số 1, tr. 184 – 191.

[6]- Nguyễn Thị Quỳnh Ngoan, Đặng Thị Phương, Phan Thị Hương Giang, Vương Quốc Anh (2022), “*Xu thế trang bị và sử dụng thực tế ảo trong trường phổ thông ở một số quốc gia*”, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, tập 18, số 02, tr. 75 – 80.

[7]- Nguyễn Thị Thanh Tú, Nguyễn Thị Huyền, Phạm Hồng Hạnh, Vũ Đình Minh (2022), “*Ứng dụng công nghệ thực tế ảo tăng cường AR trong dạy học trực tuyến theo hình thức*”, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, tập 18, số S2, tr. 35 – 39.

[8]- Nguyễn Mạnh Hường, Mai Văn Nam (2019), *Sử dụng bảo tàng ảo tại địa phương trong HĐTN môn LS ở trường THPT tỉnh Thái Nguyên*, Tạp chí Thiết bị Giáo dục, số 197, tr.29 – 31.